

Số: 707/2023/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự về Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thụ lý số 498/2023/HNST ngày 05 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng D.

Địa chỉ: Số D đường H, Khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T.

Địa chỉ: Số D đường H, Khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, các điều 54, 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng D và ông Nguyễn Thanh T, thuận tình ly hôn. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyền số 01/2011 ngày 25 tháng 01 năm 2011).

- Về con chung:

Có hai con chung là trẻ Nguyễn Nhất T1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2012 và Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017. Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị Hoàng D nuôi cả hai con chung và ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng Hai triệu đồng (Một triệu đồng/trẻ/tháng).

Việc cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2023. Thực hiện vào ngày 01 đầu tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thanh T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoàng D có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Thanh T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hoàng D không được lợi dụng quyền nuôi con để cản trở việc thăm nuôi, chăm sóc giáo dục con chung của ông Nguyễn Thanh T.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Hoàng D tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 000000697467 ngày 05/10/2023, đơn vị nhận tiền 3949.0.1053934.00000, số tài khoản 3949.0.1053934.00000 tại Kho bạc nhà nước Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thông báo nộp tiền số 37163 ngày 03 tháng 10 năm 2023, Mã thông báo: 6F92865F1R.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7;
- UBND phường Tân Thuận Tây Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT, (Thư ký Thu).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Viết Bình